

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-PT
Ngày 16 - 01 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 543/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2024/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5097/2024/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông Lê Phúc K, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Sô H, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nhật Long H, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, H, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2023, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Phúc K là ông Nguyễn Thành P trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 01/7/2022 ông T có cho ông K vay số tiền 800.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng C. Thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày hợp đồng được công chứng. Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là 02%/tháng. Việc giao nhận tiền có lập giấy giao nhận tiền cùng ngày 01/7/2022, ông T có ký tên, ghi rõ họ tên và điểm chỉ (lấn tay) trong giấy giao nhận tiền. Đến hạn trả tiền nhưng ông T không trả tiền vay cũng không trả tiền lãi cho ông K nên ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh T phải trả cho nguyên đơn ông Lê Phúc K số tiền vay còn nợ là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ ngày 29/6/2023 là ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án đến khi kết thúc vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh T là ông Trần Nhật Long H trình bày:

Ông Nguyễn Thanh T và ông Lê Quốc N, sinh năm 1989, địa chỉ Số D, ấp P, xã P, huyện C, Bến Tre có quen biết và chơi chung nhau do ông N là nhân viên của Ngân hàng N2 tại Bến Tre. Trong thời gian làm nhân viên Ngân hàng, ông N có cầm đất của bà Võ Thị H1, địa chỉ ấp D C, xã B, huyện B, Bến Tre với số tiền 600.000.000 đồng. Sau đó, ông N nhờ ông T đứng tên phần đất này (do bà H1 đã ủy quyền cho ông N và ông N chuyển nhượng nhờ ông T đứng tên). Do nể nang nên ông T đứng tên phần đất này và thế chấp vay ngân hàng với số tiền 02 tỷ đồng để lấy tiền cho vay đáo hạn ngân hàng. Theo hợp đồng vay giữa ông T và Ngân hàng M số 6451 ngày 01/3/2022. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T và ông T chuyển toàn bộ số tiền 02 tỷ đồng này cho ông N qua số tài khoản 8550109882002 mở tại Ngân hàng Q. Ngoài ra, ông N còn nhờ ông T đứng ra ký giấy nợ nhận có vay tiền của 02 người gồm: Vay của ông Lê Phúc K, ký nhận ngày 01/7/2022 với số tiền 800.000.000 đồng. Vay của bà Trần Thụy Phương K1, sinh năm 1980, địa chỉ 528, khóm G, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 06/3/2023 với số tiền 1,2 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền ông T ký vay của ông K và bà K1 đều do ông N là người trực tiếp nhận tiền chứ ông T không có nhận. Do ông T suy nghĩ đang đứng tên phần đất của bà H1 dù ông

N, ông N không sợ mất đất nên việc ông T ký vay tiền dù ông N không có gì lớn và vẫn có tài sản để thanh toán, nên khi ông N nhờ ông T ký vay nợ của ông K và bà K1, ông T vẫn có thể xử lý phần đất nêu trên để trả cho những người này và Ngân hàng. Hiện tại ông N đã nghỉ việc tại Ngân hàng và bỏ trốn. Ngày 19/7/2023 ông T làm đơn tố giác ông N và trình bày toàn bộ sự việc có liên quan đến ông N, bao gồm cả khoản vay mà ông T đứng tên vay của ông K đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B, hiện chưa được giải quyết. Qua đó, ông Lê Phúc K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả số tiền đã vay là 800.000.000 đồng và lãi suất thì ông T không đồng ý vì ông T không có nhận số tiền này. Mặc dù ông T có ký nhận các giấy tờ cho ông K số tiền 800.000.000 đồng là do ông Lê Quốc N trực tiếp nhận tiền từ ông K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2024/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phúc K đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T về việc ông K yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ và lãi phát sinh căn cứ vào Hợp đồng vay tiền đề ngày 01/7/2022.

Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Phúc K tổng số tiền vay còn nợ và lãi phát sinh là 901.592.000 (*Chín trăm lẻ một triệu năm trăm chín mươi hai nghìn*) đồng, trong đó 800.000.000 đồng tiền gốc và 101.592.000 đồng tiền lãi phát sinh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/10/2024, bị đơn ông Nguyễn Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng ông Nguyễn Quốc N1 mới là người nhận tiền của Lê Phúc K, ông chỉ là người ký tên giùm do ông có đứng tên đất giùm ông N1, người trực tiếp nhận tiền từ ông K là ông N1 còn ông không có nhận.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Lê Phúc K yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 800.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 29/6/2023 là thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án đến khi kết thúc vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đồng ý có ký tên vào “Hợp đồng vay tiền” được công chứng ngày 01/7/2022 và “Giấy giao nhận tiền” đề ngày 01/7/2022 với số tiền vay là 800.000.000 đồng nhưng ông không nhận tiền trực tiếp từ ông Lê Phúc K mà người nhận tiền từ ông K là ông Lê Quốc N.

[2.2] Xét thấy giữa ông K và ông T đã thống nhất với nhau về số tiền vay và cho vay là 800.000.000 đồng cũng như các bên đã ký tên vào “Hợp đồng vay tiền” được công chứng tại Văn phòng C ngày 01/7/2022 và “Giấy giao nhận tiền” đề ngày 01/7/2022, nhưng các bên đương sự không thống nhất với nhau về việc có hay không có nhận tiền trực tiếp với nhau. Ông T cho rằng người nhận tiền trực tiếp từ ông K là ông Lê Quốc N, ông K thì cho rằng ông T là người nhận tiền trực tiếp từ ông K mà không phải là ông N nhận tiền như lời trình bày của ông T.

Xét thấy, việc ông T ký tên vào “Hợp đồng vay tiền” và “Giấy giao nhận tiền” nói trên thì bắt buộc ông phải biết được hậu quả pháp lý và phải chịu trách nhiệm của việc ký vào các văn bản nói trên và phía ông T cũng thừa nhận điều này. Mặt khác, tất cả các giao dịch vay tiền nói trên chỉ giữa ông T và ông K, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác có liên quan đến ông Lê Quốc N, ông T cũng không có chứng cứ chứng minh rằng việc ông chỉ ký tên vào “Hợp đồng vay tiền” và “Giấy giao nhận tiền” mà thực tế ông không có nhận khoản tiền 800.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của ông K. Nếu sau

này ông T có căn cứ cho lời trình bày của mình thì ông có quyền khởi kiện ông Lê Quốc N bằng vụ kiện khác để yêu cầu ông N trả lại cho ông khoản tiền nói trên.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông K số tiền vay còn nợ là 800.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.4] Về yêu cầu tính lãi:

Căn cứ vào “Hợp đồng vay tiền” giữa ông K và ông T có đề cập đến phần lãi suất nhưng không ghi rõ mức lãi suất hay có việc tính lãi trên số tiền vay này hay không mà chỉ ghi “Lãi suất do các bên tự thỏa thuận”. Mặt khác, phía ông T cũng không thừa nhận lãi và cũng không đồng ý trả lãi cho phía nguyên đơn. Nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi tính từ ngày 29/6/2023 đến ngày 08/10/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 15 tháng 09 ngày, lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận. Lãi suất được tính như sau:

$0,83\%/tháng \times 800.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 101.592.000 \text{ đồng}.$

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông K số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/6/2023 đến ngày 08/10/2024 số tiền là 101.592.000 đồng, tổng cộng là 901.592.000 (chín trăm lẻ một triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng là phù hợp.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2024/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phúc K đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Phúc K tổng số tiền vay còn nợ và lãi phát sinh là 901.592.000 (chín trăm lẻ một triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng (trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/6/2023 đến ngày 08/10/2024 là 101.592.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Thanh T phải chịu số tiền 39.047.760 (ba mươi chín triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Phúc K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.400.000 (hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006565 ngày 14/9/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu số 0002448 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004719 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phận